

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 08 tháng 7 năm 2020

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1). Bà Huỳnh Thị Tỏ

2). Bà Võ Thị Mỹ Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Thanh Dũ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020, về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2020/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ánh H, sinh năm xxxx (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm: xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Ánh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2016, chị và anh Huỳnh Thanh T tự quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi cưới, vợ chồng anh chị với gia đình chồng, thời gian đầu sống hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng mâu thuẫn do anh T thường xuyên đi uống rượu bia, không lo làm ăn lo cho vợ con về nhà kiểm chuyện chửi bới chị, chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ năm 2019, anh chị không còn chung sống với nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Ánh L, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi vì anh T làm công nhân đủ khả năng để cấp dưỡng. Thực hiện cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

* Anh Huỳnh Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Ánh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Huỳnh Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Ánh H và anh Huỳnh Thanh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng kết hôn số 94/2016, ngày 08 tháng 12 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu bia, không lo làm ăn lo cho vợ con về nhà kiếm chuyện chửi bới chị, chị nhiều lần hàn gắn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ năm 2019, anh chị không còn chung sống cho tới nay. Nay tình cảm không còn nên Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T.

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hồng và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không còn chung sống với nhau nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị H xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa và có ý kiến về việc chị Hồng xin ly hôn nhưng anh T vẫn không có ý kiến mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài, không phản đối những nội dung mà chị Hồng đưa ra nên lời trình bày của chị Hồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc Ánh L, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của Chị H về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều kiện sinh hoạt hiện nay của con chung và quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[2.3] Về tài sản chung: Dương sự khai không có

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Chị H, anh T phải nộp án phí theo quy định.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị Ánh H và anh Huỳnh Thanh T
2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Ngọc Ánh L, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Đặng Thị Ánh H được tiếp tục nuôi dưỡng
 - Anh Huỳnh Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Ngọc Ánh L hàng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật
 - Anh Huỳnh Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.
 - Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không có
4. Về nợ chung: Không có
5. Về án phí: Chị Đặng Thị Ánh H nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017522 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị Hồng đã nộp đủ án phí.

Anh T nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã B, huyện G;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Vũ

